

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh kế hoạch chi tiết năm 2013  
dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp  
và phát triển chương trình khí sinh học**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-BNN-KH ngày 28/2/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học;

Căn cứ văn bản số 2967/DANN-QSEAP ngày 23/10/2013 của Ban Quản lý các Dự án nông nghiệp về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013 cho PPMUs tỉnh Lâm Đồng;

Tiếp theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2013 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học;

Xét Tờ trình số 144/TTr-SNN ngày 05/11/2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xin phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2013 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Kế hoạch chi tiết năm 2013 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

a) Tổng vốn: 49.282 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ADB: 42.272 triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 7.010 triệu đồng.

b) Chi tiết từng hợp phần:

- Hợp phần 1: Phát triển khung thể chế và hệ thống sản phẩm nông nghiệp, an toàn chất lượng: 312 triệu đồng.

- Hợp phần 2: Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hỗ trợ cho sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng: 47.626 triệu đồng.

- Hợp phần 3 - Phát triển chương trình khí sinh học: 146 triệu đồng.

- Hợp phần 4 - Quản lý dự án: 1.198 triệu đồng.

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học tỉnh và thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận :**

- BQL các DANN-Bộ NN&PTNT;
- CT, các PCT;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, NN;

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm S**

**Thu lục I: KẾ HOẠCH CHI TIẾT NĂM 2013**  
**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**  
**PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH KHÍ SINH HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 2355 /QĐ-UBND ngày 20 /11/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Hạng mục chi tiêu	Kế hoạch đã được phê duyệt			Kế hoạch điều chỉnh		
		Tổng	ADB	ĐƯ	Tổng	ADB	ĐƯ
	<b>LÂM ĐỒNG</b>	<b>49.468</b>	<b>42.533</b>	<b>6.935</b>	<b>49.282</b>	<b>42.272</b>	<b>7.010</b>
<b>I</b>	<b>HP1. Phát triển khung thể chế và hệ thống sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng</b>	<b>312</b>	<b>97</b>	<b>215</b>	<b>312</b>	<b>97</b>	<b>215</b>
1.1	Hỗ trợ để xây dựng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm cây trồng	312	97	215	312	97	215
<b>II</b>	<b>HP2. Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hỗ trợ cho sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng</b>	<b>47.970</b>	<b>41.982</b>	<b>5.988</b>	<b>47.626</b>	<b>41.673</b>	<b>5.953</b>
1	Quy hoạch vùng Nông nghiệp an toàn (SAZ)	588	529	59	588	529	59
1.1	Quy hoạch vùng Nông nghiệp an toàn (SAZ)	588	529	59	588	529	59
2	Phát triển cơ sở hạ tầng trong vùng SAZ	25.542	21.797	3.745	25.542	21.797	3.745
2.1	Thiết kế mô hình SAZ: Lập Tiểu dự án cho mô hình SAZ (bao gồm cả lập và đánh giá HSMT)	2.192	1.973	219	2.192	1.973	219
2.2	Giám sát xây dựng mô hình SAZ	273	-	273	273	-	273
2.3	Chi phí xây lắp cơ sở hạ tầng	22.027	19.824	2.203	22.027	19.824	2.203
2.4	Chi phí khác (thăm tra thiết kế, thẩm định BC KTKT, bảo hiểm công trình,...)	1.050	-	1.050	1.050	-	1.050
3	Hỗ trợ cấp chứng nhận sản phẩm	2.080	1.872	208	2.080	1.872	208
3.1	Hỗ trợ cấp chứng nhận sản phẩm và xây dựng năng lực giám sát và đánh giá cấp tỉnh	2.080	1.872	208	2.080	1.872	208
4	Đào tạo GAP, HACCP, Thực hành dựa trên tiêu chuẩn an toàn thực phẩm nông trại	1.040	936	104	1.040	936	104
4.1	Đào tạo GAP, HACCP, Thực hành dựa trên tiêu chuẩn an toàn thực phẩm nông trại	1.040	936	104	1.040	936	104
5	Thay thế giống dễ sâu bệnh bằng giống chịu được sâu bệnh	18.720	16.848	1.872	18.376	16.538	1.838
5.1	Thay thế giống dễ sâu bệnh bằng giống chịu được sâu bệnh	18.720	16.848	1.872	18.376	16.538	1.838
<b>III</b>	<b>HP3. Phát triển khí sinh học</b>	<b>146</b>	<b>131</b>	<b>15</b>	<b>146</b>	<b>131</b>	<b>15</b>
1	Hỗ trợ xây dựng công trình KSH	146	131	15	146	131	15
2	Hỗ trợ tài chính cho các công trình KSH	-	-	-	-	-	-
<b>IV</b>	<b>HP4. Quản lý dự án</b>	<b>1.040</b>	<b>322</b>	<b>718</b>	<b>1.198</b>	<b>371</b>	<b>827</b>
1	Tủ, bàn ghế và đồ dùng khác	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	1.040	322	718	1.198	371	827